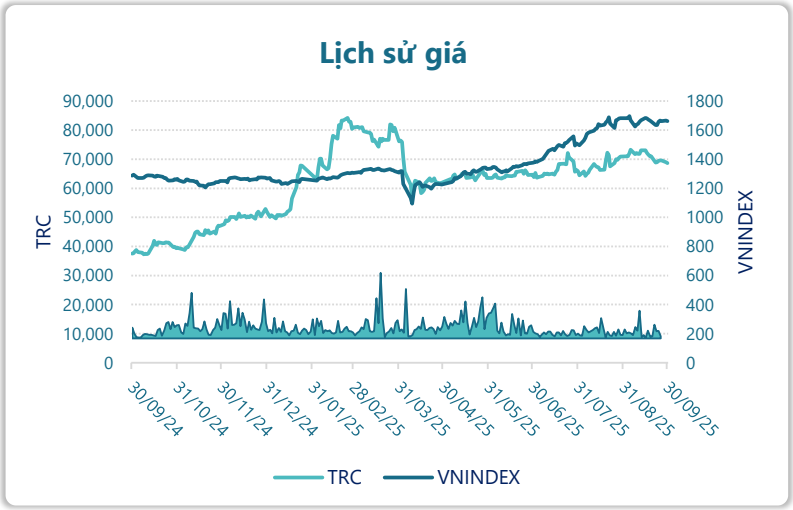
FireAnt

CTCP Cao su Tây Ninh (HSX: TRC)



Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**68,600**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	84,196
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	37,281
SL cổ phiếu LH	30,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	108,390
% sở hữu nước ngoài	1.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,058
P/E	6.0
EPS	11,423

DT thuần

Q3/25

239

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 107| 81.3%

YoY: ▲ 18.0| 8.3%

LN sau thuế

Q3/25

117

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 82.1| 236%

YoY: ▲ 43.9| 60.5%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

55.1%

+/- YoY: ▲ 16.1%

DT thuần

9T 2025

597

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 140| 30.8%

LN sau thuế

9T 2025

223

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 122| 120%

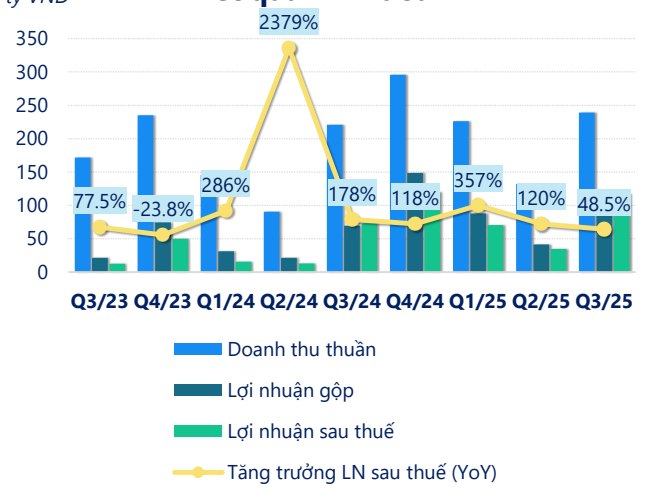
ROE

Q3/25

18.2%

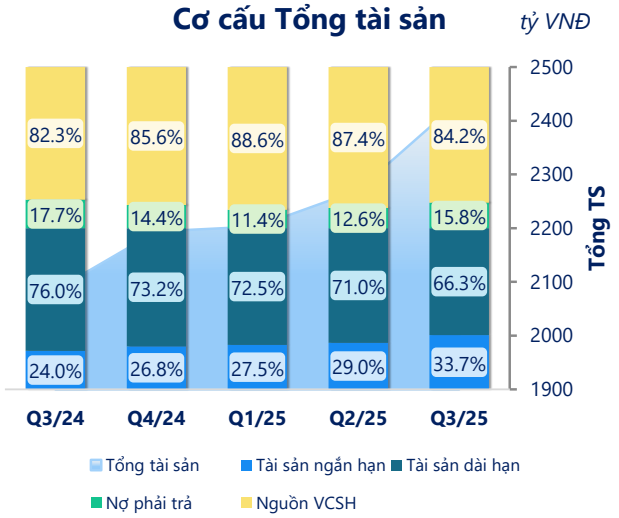
+/- YoY: ▲ 9.1%

Kết quả kinh doanh



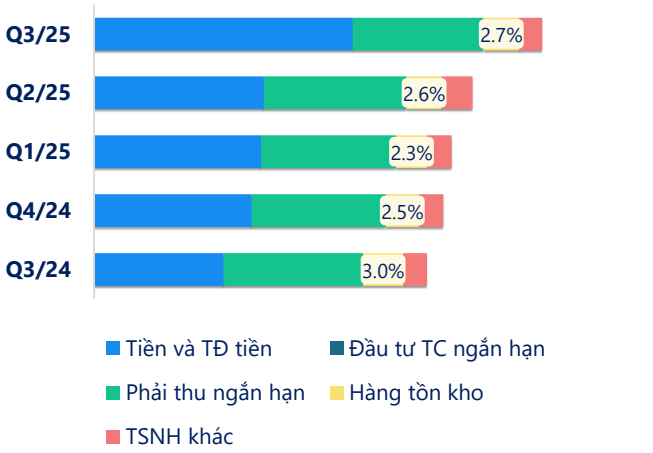
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



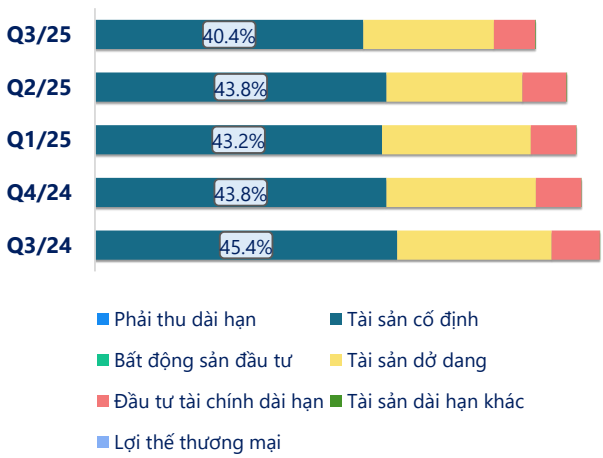
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



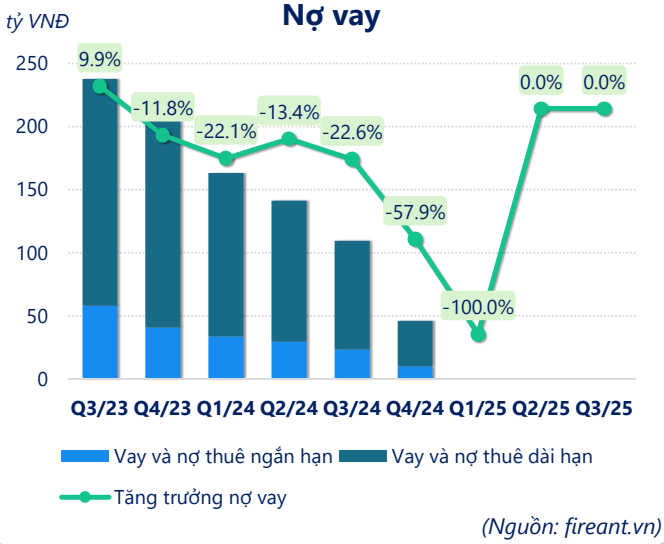
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



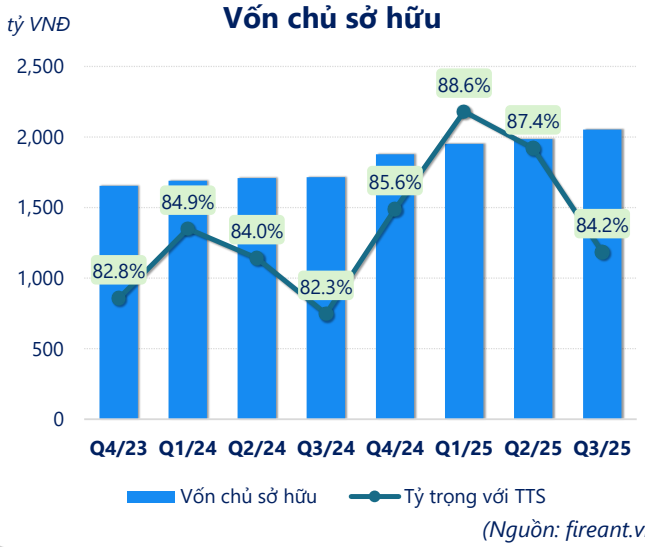
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



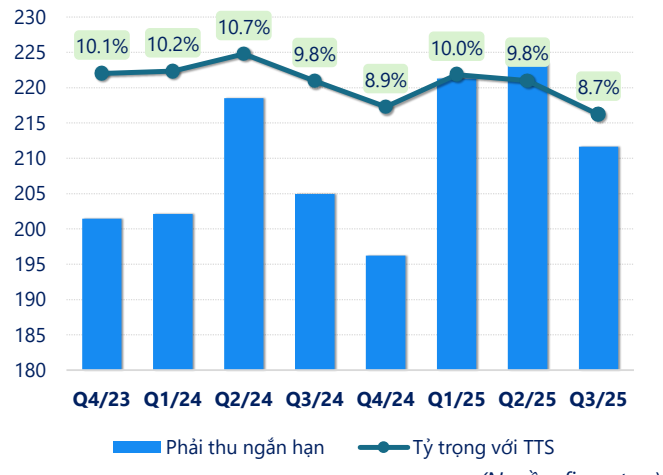
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



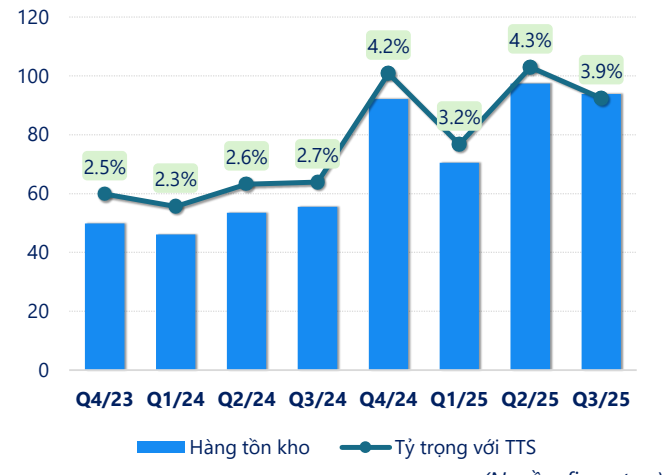
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



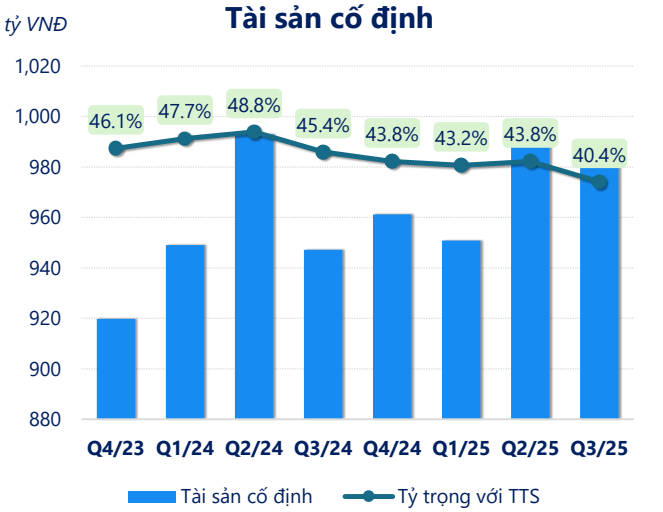
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



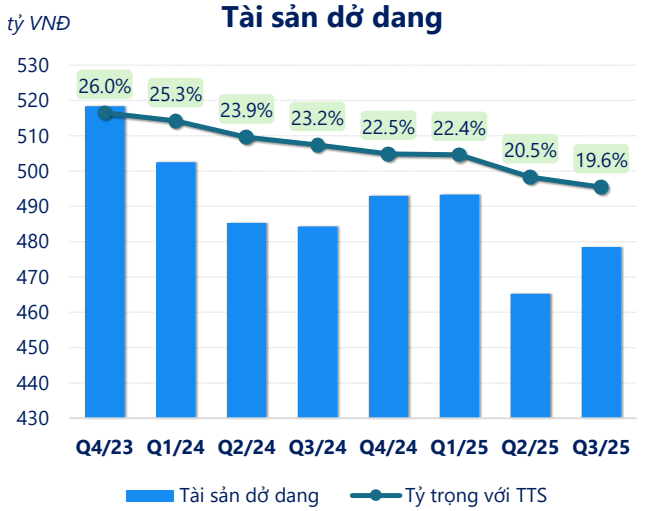
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



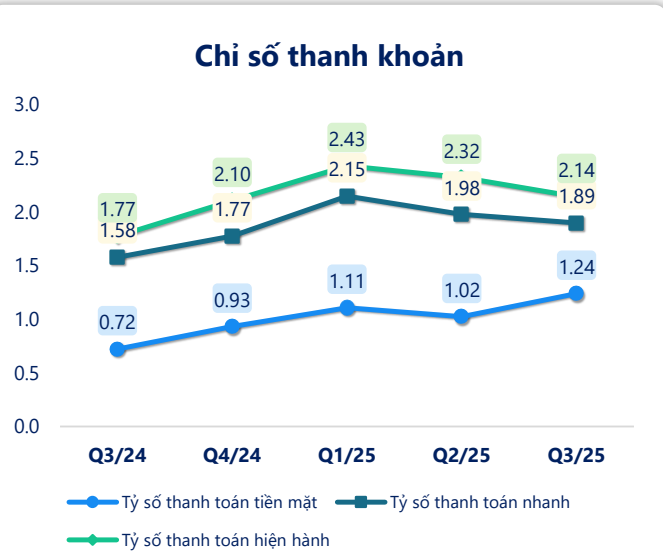
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



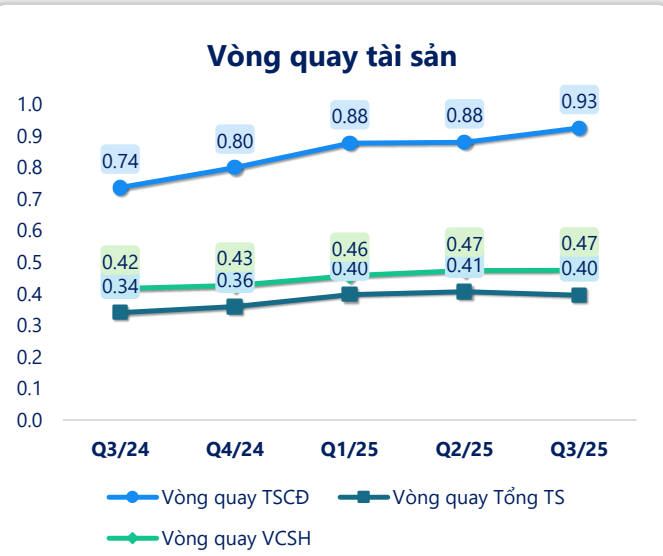
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	**2,085**	**2,194**	**2,203**	**2,271**	**2,436**
Tài sản ngắn hạn	**500**	**587**	**607**	**658**	**820**
Tiền và tương đương tiền	203	260	277	290	474
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	205	196	221	224	212
Hàng tồn kho	55.5	92.2	70.4	97.4	93.9
Tài sản ngắn hạn khác	36.2	38.9	38.3	47.1	40.2
Tài sản dài hạn	**1,585**	**1,606**	**1,596**	**1,613**	**1,616**
Phải thu dài hạn	0.56	0.58	0.58	0.59	0.60
Tài sản cố định	947	961	951	995	983
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	484	493	493	465	478
Đầu tư tài chính dài hạn	152	150	151	151	152
Tài sản dài hạn khác	0.94	1.25	1.05	1.45	1.93
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**369**	**317**	**251**	**285**	**385**
Nợ ngắn hạn	**282**	**279**	**250**	**284**	**383**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	23.2	9.80	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	11.8	1.95	8.86	27.9	17.5
Nợ dài hạn	87.2	37.5	1.32	1.32	1.32
Vay và nợ thuê dài hạn	86.1	36.2	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,716**	**1,877**	**1,952**	**1,986**	**2,052**
Vốn chủ sở hữu	**1,716**	**1,877**	**1,952**	**1,986**	**2,052**
Vốn điều lệ	300	300	300	300	300
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)